

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 7 năm 2020

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2020

Trường Đại học Hồng Đức thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2020 gồm các chuyên ngành sau:

#### 1. môn thi tuyển:

TT	Chuyên ngành	Mã ngành	Các môn thi		
			Môn không chủ chốt	Môn chủ chốt	Ngoại ngữ
1.	Khoa học cây trồng	8620110	Kỹ thuật SX cây trồng	Sinh lý thực vật	Tiếng Anh
2.	Phương pháp toán sơ cấp	8460113	Đại số	Giải tích	
3.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	Toán cho vật lý	Cơ sở vật lý	
4.	Động vật học	8420103	Di truyền học	Sinh học đại cương	
5.	Khoa học máy tính	8480101	Toán rời rạc	Cơ sở lập trình	
6.	Kỹ thuật xây dựng	8580201	Vật liệu xây dựng	Sức bền vật liệu	
7.	Lý luận và PPDHBM Văn- TV	8140111	Ngôn ngữ và Văn học Việt Nam	Lí luận văn học	
8.	Văn học Việt Nam	8220121	Việt Nam		
9.	Lịch sử Việt Nam	8229013	Phương pháp luận sử học	Lịch sử Việt Nam	
10.	Địa lý học	8310501	Địa lý tự nhiên đại cương	Địa lý kinh tế xã hội đại cương	
11.	Kế toán	8340301	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Nguyên lý kế toán	

#### 2. Đối tượng và điều kiện dự thi:

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có các điều kiện sau đây: Có bằng tốt nghiệp đại học (chính quy hoặc không chính quy) ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi, hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi sau khi đã bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương.

(Danh mục ngành đúng, phù hợp, gần và môn học bổ sung kiến thức, xem Phụ lục)

#### 3. Điều kiện được miễn thi môn ngoại ngữ

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng Tiếng Anh được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ Tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;

d) Có chứng chỉ tiếng Anh: 500 PBT, 173 CBT, 61 iBT; First Certificate in English FCE; BEC Vantage; 60 BULATS; 625 TOEIC; 5.0 IELTS; chứng chỉ tiếng Anh (Khung Châu Âu) và bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi.

#### **4. Chính sách ưu tiên đối với thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.**

##### **4.1. Đối tượng ưu tiên**

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

##### **4.1. Mức ưu tiên**

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định tại mục 3 của thông báo này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi còn lại.

#### **5. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển**

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt **50% của thang điểm đối với mỗi môn thi** (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi (môn chủ chốt và môn không chủ chốt) của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Trường đại học Hồng Đức, Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học, đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài thì được xét tuyển. Nếu chưa đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 thì phải học dự bị tiếng Việt 01 năm tại Trường đại học Hồng Đức trước khi được xét tuyển.

#### 6. Hồ sơ dự thi:

1- Đơn đăng ký dự thi (*theo mẫu*),

2- Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp đại học,

3- Bản sao có công chứng bằng điểm đại học, bằng điểm học bổ sung/chuyên đổi (*nếu có*),

4- Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*) có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc xác nhận của địa phương,

5- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa,

6- Bản sao có công chứng chứng chỉ ngoại ngữ, bằng đại học ngoại ngữ (*nếu có*)

7- 2 ảnh 4 x 6 (ghi rõ họ tên, ngày sinh vào mặt sau ảnh),

8- 2 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận,

9- Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên,

10- Giấy xác nhận đồng ý cử đi học của cơ quan chủ quản (*nếu có*).

**7. Hình thức đào tạo:** Chính quy tập trung 02 năm (24 tháng), riêng chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng : 1,5 năm (18 tháng).

**8. Thời gian thi tuyển sinh:** Dự kiến ngày 17, 18 tháng 10 năm 2020

**9. Thời gian phát hành và tiếp nhận hồ sơ:** từ ngày ra thông báo đến hết ngày 03 tháng 10 năm 2020 đối với thí sinh dự thi là đối tượng có ngành đúng và ngành phù hợp; phát hành và thu Hồ sơ đăng ký dự thi tại phòng 606, 607 Nhà điều hành - Cơ sở chính (565 Quang Trung 3 - P.Đông Vệ - TP Thanh Hóa).

Thí sinh có nhu cầu ôn tập đăng ký và học tại các khoa đào tạo từ ngày 14 tháng 9 năm 2020. Chuyên ngành *Văn học Việt Nam, Lý luận & PPDH Văn - Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam, Địa lý học* - Khoa Khoa học Xã hội (0948695858); chuyên ngành *Khoa học cây trồng* - khoa Nông-Lâm-Ngư nghiệp (0945489489); chuyên ngành : *Phương pháp Toán sơ cấp, Vật lý lý thuyết và vật lý toán, Động vật học* - khoa Khoa học Tự nhiên (0919721088); chuyên ngành *Kỹ thuật xây dựng* - Khoa Kỹ thuật công nghệ (0948380666), *chuyên ngành: Kế toán* - khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh

(0946262098); *chuyên ngành Khoa học máy tính* – Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông (0918250012).

**10. Thời gian học bổ sung kiến thức:** Vào các ngày thứ 7, chủ nhật và các buổi tối trong tuần

- Thí sinh dự thi là ngành gần: Từ 01/09 – 04/10/2020

**Chi tiết xin liên hệ:** Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Hồng Đức : P.606, P.607 Nhà Điều hành, Cơ sở Chính (565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

Điện thoại: 0373.911.679; 0944.873.363; 0919.114.688

Website: [www.hdu.edu.vn](http://www.hdu.edu.vn)

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để BC)
  - Ban giám hiệu (để BC)
  - Các Sở, Ban, Ngành trong tỉnh;
  - UBND các huyện, các phòng GD;
  - Các CQ, DN, trường THPT, THCS;
  - Các đơn vị trong trường;
  - Lưu: VT, SĐH.
- } (phối hợp t.hiện)

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Hoàng Bá Huyền**

## PHỤ LỤC

**Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và các học phần bổ sung kiến thức dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2020**

(Ban hành kèm theo thông báo số 93 /TB-ĐHHĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng trường ĐH Hồng Đức)

TT	Chuyên ngành Cao học dự tuyển	Tên ngành Đại học đúng và phù hợp	Ngành gần		
			Tên ngành Đại học	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Khoa học cây trồng, Mã số: 8620110	Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Nông học, Di truyền và chọn giống cây trồng, làm vườn, công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, kỹ nghệ hoa viên, Bảo vệ thực vật.	<b>Nhóm ngành 1:</b> Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp; Sinh-kỹ thuật Nông nghiệp; Kỹ thuật nông nghiệp; Nông nghiệp; nông hoá thổ nhưỡng.	- Cây lương thực - Cây công nghiệp - Cây ăn quả - Cây rau	2 2 2 2
			<b>Nhóm ngành 2:</b> Sinh học; Công nghệ sinh học; Sư phạm sinh học; Khuyến nông; Phát triển nông thôn; Kinh doanh nông nghiệp; Lâm nghiệp; Lâm sinh; Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng; lâm nghiệp đô thị; Môi trường; Nông Lâm kết hợp; sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	- Cây lương thực - Cây công nghiệp - Cây ăn quả - Cây rau - Côn trùng - Bệnh cây	2 2 2 2 2 2
2	Phương pháp toán sơ cấp, Mã số: 8460113	Sư phạm Toán, Cử nhân Toán học	Sư phạm Toán - Lý, Toán - Tin; Toán - Hóa, Toán - Sinh;	- Phương trình đạo hàm riêng - Giải tích hàm - Độ đo và tích phân - Phương trình vi phân - Không gian metric và tôpô	2 2 2 2 2

3	Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, Mã số: 8440103	Su phạm Vật lý, Vật lý kỹ thuật, Vật lý ứng dụng	<b>Nhóm ngành 1:</b> Su phạm Toán Lý, Su phạm Lý Hoá	- Nhiệt động lực học và Vật lý thống kê - Cơ học lượng tử	3 3
			<b>Nhóm ngành 2:</b> Su phạm kỹ thuật	- Nhiệt động lực học và Vật lý thống kê - Cơ học lượng tử - Cơ lý thuyết	3 3 3
4	Động vật học, Mã số: 8420103	Su phạm sinh học, Cử nhân sinh học; Sinh học – Kỹ thuật nông nghiệp, Sinh-Môi trường	<b>Nhóm ngành 1:</b> Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Su phạm kỹ thuật nông nghiệp, Chăn nuôi, Thú y, Nuôi trồng thủy sản, Lâm nghiệp.	Căn cứ vào bảng điểm đại học của thí sinh để lựa chọn các học phần bổ sung kiến thức (7-10 tín chỉ) - Di truyền học - Tiến hoá - Tập tính động vật - Sinh lý thực vật - Giải phẫu sinh lý động vật và người - Vi sinh vật học	3 2 2 3 3 3
			<b>Nhóm ngành 2:</b> Nông học, khoa học môi trường, Du lịch sinh thái, phát triển nông nghiệp, khuyến nông, bệnh học thủy sản	Căn cứ vào bảng điểm đại học của thí sinh để lựa chọn các học phần bổ sung kiến thức (9-15 tín chỉ) - Hóa sinh học - Động vật học - Vi sinh vật học - Di truyền học - Sinh thái học - Đa dạng sinh học - Tiến hóa - Sinh học phân tử - Tập tính động vật - Sinh lý thực vật - Giải phẫu sinh lý động vật và người - Di truyền học quần thể và di truyền học người	3 3 3 3 3 2 2 2 3 3 3

5	Khoa học máy tính, Mã số: 8480101	Khoa học máy tính; Công nghệ phần mềm; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Tin học; Công nghệ thông tin; Sư phạm tin học; Kỹ thuật máy tính	<b>Nhóm ngành 1:</b> Mạng máy tính và truyền thông; Truyền thông đa phương tiện; Công nghệ truyền thông.	- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật; - Cơ sở dữ liệu - Lập trình hướng đối tượng	3 3 3
			<b>Nhóm ngành 2:</b> Điện tử viễn thông; Toán – Tin; Vật lý- Tin học; Hệ thống thông tin quản lý; Cơ điện tử; Điều khiển tự động; Toán tin ứng dụng; Tin học Công nghiệp; Sư phạm Kỹ thuật Tin; An toàn thông tin; Công nghệ Kỹ thuật máy tính:	- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật; - Cơ sở dữ liệu; - Toán rời rạc; - Lý thuyết đồ thị; - Lập trình hướng đối tượng; - Mạng máy tính.	3 3 2 2 3 3
6	Kỹ thuật xây dựng, Mã số: 8580201	- Kỹ thuật xây dựng - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy lợi - Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng - Công nghệ kỹ thuật xây dựng - Công nghệ kỹ thuật giao thông - Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Xây dựng cầu đường	- Kỹ thuật cơ sở hạ tầng - Kỹ thuật xây dựng công trình biển - Địa kỹ thuật xây dựng - Kỹ thuật cấp thoát nước - Quản lý xây dựng - Kinh tế xây dựng - Kiến trúc - Công nghệ kỹ thuật kiến trúc - Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng - Các ngành khác không có trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học theo thông tư 24/2017/TT-BGDĐT nhưng có ít nhất 60% tổng số tín chỉ hoặc đơn vị học trình của khối kiến thức ngành giống hoặc phù hợp với CTĐT đại học ngành Kỹ thuật xây	Căn cứ vào bảng điểm đại học của thí sinh để lựa chọn các học phần bổ sung kiến thức (tối đa 16 tín chỉ): - Thiết kế và thi công nhà cao tầng - Thiết kế và thi công đường ô tô - Thiết kế và thi công cầu bê tông cốt thép - Dự toán xây dựng - Tổ chức xây dựng - Kết cấu bê tông dự ứng lực - Kiến trúc công trình - Kết cấu bê tông cốt thép - Kết cấu thép - Kỹ thuật xây dựng công trình bê tông - Kỹ thuật xây dựng công trình	4 4 4 2 3 3 4 3 4 2 2

			dụng	đắt đá	
7	Lý luận và PP dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, Mã số: 8140111	Sur phạm Ngữ văn, Sur phạm Văn – Sử	<b>Ngành gần nhóm 1:</b> Cử nhân Ngữ văn, Cử nhân Văn học, Cử nhân Văn - Sử	- Tâm lí học đại cương - Giáo dục học đại cương - Phương pháp dạy học Ngữ văn	2 2 4
			<b>Ngành gần nhóm 2:</b> Cử nhân Ngôn ngữ, Cử nhân báo chí, Cử nhân quản lí văn hóa	- Tâm lí học đại cương - Giáo dục học đại cương - Lí luận văn học - Phương pháp dạy học Văn - Phương pháp dạy học Tiếng Việt - Phương pháp dạy học Làm văn	2 2 3 3 3 3
8	Văn học Việt Nam, Mã số: 8220121	Sur phạm Ngữ văn, Ngữ văn, Văn học.	<b>Ngành gần nhóm 1:</b> - Văn - Sử - Văn - Địa - Văn - GD&ĐT	- Lý luận văn học - Văn học dân gian Việt Nam - Văn học Việt Nam trung đại - Văn học Việt Nam hiện đại	3 3 4 4
			<b>Ngành gần nhóm 2:</b> - Ngôn ngữ - Hán Nôm	- Lý luận văn học - Văn học dân gian Việt Nam - Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII - Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX - Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945 - Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay	3 3 3 3 3 3



9	Lịch sử Việt Nam, Mã số: 8229013	Sư phạm Lịch sử, Lịch sử.	<b>Ngành gần nhóm 1.</b> - Bảo tồn bảo tàng - Sư phạm Văn-Sử - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam - Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Miền Nam giai đoạn 1954 – 1975 - Làng xã Việt Nam - Đặc điểm quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay - Phương pháp luận sử học	2 2 2 2 2
			<b>Ngành gần nhóm 2.</b> - Việt Nam học - Triết học - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Đông Phương học - Quốc tế học - Khoa học Chính trị - Lưu trữ học - Nhân học - Quản lý văn hóa - Xã hội học	- Lịch sử Việt Nam cổ trung đại - Lịch sử Việt Nam cận hiện đại - Lịch sử thế giới cổ trung đại - Lịch sử thế giới cận hiện đại - Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam - Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Miền Nam giai đoạn 1954 – 1975 - Làng xã Việt Nam - Đặc điểm quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay - Phương pháp luận sử học	3 3 3 3 2 2 2 2 2

10	Địa lý học, Mã số: 8310501	Sư phạm Địa lý, Địa lý học.	<b>Ngành gần nhóm 1:</b> - Bản đồ học - Khí tượng và khí hậu học - Thủy văn học - Hải dương học - Quản lý đất đai - Quản lý TN&MT	- Địa lí kinh tế - xã hội đại cương - Phương pháp nghiên cứu địa lí	3 3
			<b>Ngành gần nhóm 2:</b> - Kinh tế và phát triển - Quy hoạch - Quản lý đô thị - Đô thị học - Kinh tế đô thị	- Địa lí tự nhiên đại cương 1 - Địa lí tự nhiên đại cương 2 - Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 1 - Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 2 - Phương pháp nghiên cứu địa lí	2 2 2 2 2
11	Kế toán Mã số: 8340301	- Kế toán, kiểm toán	<b>Nhóm ngành 1:</b> Tốt nghiệp ngành đúng, ngành phù hợp quá 10 năm (120 tháng) kể từ ngày ghi trên bằng đại học đến ngày thi tuyển sinh.	- Kế toán tài chính - Kế toán quản trị - Nguyên lý kế toán	2 2 2
			<b>Nhóm ngành 2:</b> Quản trị kinh doanh, Tài chính- Ngân hàng, Kinh tế.	- Kế toán tài chính - Kế toán quản trị - Nguyên lý kế toán - Kiểm toán căn bản - Kiểm toán báo cáo tài chính	2 2 2 2 2